

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý Nhà nước của UBND cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 114/TTr-SNN ngày 08/7/2009 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 426/TTr-SNV ngày 14/7/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 31/2006/QĐ-UBND ngày 19/5/2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Huỳnh Đức Hòa

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 22/7/2009 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

**Chương I
VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong quá trình sản xuất đến khi đưa ra thị trường; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Trình UBND tỉnh ban hành

1. Các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; quy hoạch phòng, chống giảm nhẹ thiên tai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước được giao;

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. Các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các tổ chức thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng, Phó phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND huyện; quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực nông nghiệp của Phòng Kinh tế thuộc UBND thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 4. Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành

1. Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật;

2. Các quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh;

3. Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với UBND cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với UBND cấp xã.

Điều 5. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước được giao.

Điều 6. Về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi)

1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý Nhà nước về: giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

3. Giúp UBND tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng;

4. Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y (bao gồm cả thú y thủy sản), phòng, chống và khắc phục hậu quả dịch bệnh động vật, thực vật; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

5. Tổ chức phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh đối với sản xuất nông nghiệp;

6. Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hoá thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Về lâm nghiệp

1. Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của UBND cấp huyện;

2. Giúp UBND tỉnh quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. Tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho cấp huyện và cấp xã sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Việt Nam; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng;

Giúp UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

4. Tổ chức việc bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và rừng giống trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng và chống dịch bệnh gây hại rừng, cháy rừng;

5. Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng; giúp UBND tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo quy định;

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc cho phép mở cửa rừng khai thác và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng là tổ chức và UBND cấp huyện sau khi được phê duyệt; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 8. Về thủy sản

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định hành lang cho các loài thủy sản di chuyển khi áp dụng các hình thức khai thác thủy sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác; mùa vụ khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của tỉnh;

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của UBND tỉnh về quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, hồ, đầm, phá và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. Tổ chức đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước được giao;

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

5. Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thủy sản ở các cơ sở sản xuất giống thủy sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thủy sản trên địa bàn theo quy định.

Điều 9. Về thủy lợi

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi vừa và nhỏ và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt;

2. Thực hiện các quy định về quản lý sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông, suối trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ đê điều, bảo vệ công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; xây dựng phương án, biện pháp

và tổ chức thực hiện việc phòng, chống lũ, lụt, bão, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm nhập mặn, sạt, lở ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh;

4. Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định;

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 10. Về phát triển nông thôn

1. Tổng hợp, trình UBND tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông thôn; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

3. Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

5. Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc uỷ quyền của UBND tỉnh.

Điều 11. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến đối với các ngành hàng và lĩnh vực cơ điện, ngành nghề, làng nghề nông thôn, bảo quản sau thu hoạch thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. Tổ chức thực hiện công tác xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

4. Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trong công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản từ khâu sản xuất, thu hoạch, chế biến, vận chuyển đến khi thực phẩm được đưa ra thị trường nội địa hoặc xuất khẩu.

6. Giám sát, kiến nghị các giải pháp, biện pháp thực hiện đảm bảo chất lượng trong quá trình sản xuất sản phẩm nông, lâm, thủy sản không dùng làm thực phẩm (phi

thực phẩm). Tổ chức kiểm tra, công nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở và chứng nhận chất lượng đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản phi thực phẩm;

7. Đề xuất các chương trình, dự án đầu tư về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trong phạm vi quản lý. Tham gia thẩm định các dự án quy hoạch, dự án đầu tư có liên quan đến nội dung đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm, thủy sản tại địa phương.

Điều 12. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

Điều 13. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương.

Điều 14. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật hoặc sự phân công, ủy quyền của UBND tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 15. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diễn biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản theo quy định.

Điều 16. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

Điều 17. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

Điều 18. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn của tỉnh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện.

Điều 19. Giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với UBND cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã với UBND cấp xã.

Điều 21. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 22. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn; các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng của tỉnh theo quy định của pháp luật; tham gia khắc phục hậu quả thiên tai về bão, lũ, lụt, sạt, lở, hạn hán, úng ngập, chua phèn và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 24. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 25. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh.

Điều 26. Quản lý tài chính, tài sản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

Điều 27. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước được giao theo quy định của UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 28. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do UBND tỉnh và Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Chương III TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 29. Lãnh đạo Sở

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước HĐND, UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

3. Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do UBND tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Cơ cấu tổ chức

1. Tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bao gồm nhiệm vụ: Tổ chức và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo, chế độ, chính sách; khen

thường, kỷ luật; hành chính, văn thư, cải cách hành chính, quản trị, pháp chế) có Chánh văn phòng và 01 đến 02 Phó Chánh văn phòng.

- Thanh tra Sở;
- Phòng Kế hoạch-Tài chính;
- Phòng Trồng trọt;
- Phòng chăn nuôi thủy sản.

Mỗi phòng có Trưởng phòng và từ 01 đến 02 Phó trưởng phòng.

2. Các Chi cục, đơn vị quản lý Nhà nước trực thuộc:

- Chi cục Bảo vệ thực vật;
- Chi cục Thú y;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Chi cục Lâm nghiệp;
- Chi cục Thủy lợi;
- Chi cục Phát triển nông thôn;
- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản.

Mỗi Chi cục có Chi cục trưởng và từ 01 đến 02 Phó Chi cục trưởng

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

- Trung tâm khuyến nông;
- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
- Trung tâm nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp;
- Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật cây công nghiệp và cây ăn quả;

Mỗi Trung tâm có Giám đốc và 01 đến 02 Phó Giám đốc.

4. Các đơn vị trực thuộc không giao biên chế:

- Trung tâm dự trữ vật tư thú y và Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm Quản lý đầu tư và khai thác thủy lợi;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

Điều 31. Biên chế

1. Việc xác định biên chế, bố trí cán bộ, công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Sở và chức danh tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức Nhà nước theo quy định của pháp luật;

2. Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm cụ thể về quản lý ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ xác định biên chế hành chính của Sở để trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trong tổng biên chế hành chính Nhà nước của tỉnh;

3. Biên chế sự nghiệp của các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo phân cấp./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Huỳnh Đức Hòa